

Số: 32/2024/QĐST-HNGĐ

Tuần Giáo, ngày 15 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO, TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 10 của Luật phí và lệ phí;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 29/2024/TLST-HN&GD ngày 22 tháng 02 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ **Anh Cà Văn L**, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Bản N, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

+ **Chị Quàng Thị D**, sinh năm 1988.

Nơi đăng ký thường trú: Bản N, xã T, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; địa chỉ hiện nay: Bản H, xã M, huyện T, tỉnh Điện Biên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 07 tháng 3 năm 2024, người yêu cầu gồm **anh Cà Văn L** và **chị Quàng Thị D** đã thỏa thuận được như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: **Anh Cà Văn L** và **chị Quàng Thị D** kết hôn năm 2012, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mường Mùn, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên ngày 18/9/2012, anh chị kết hôn tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường

xuyên xảy ra cãi chửi nhau, bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, không còn thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay và bỏ mặc nhau, vợ hoặc chồng muốn sống ra sao thì sống. Đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn. **Anh L, chị D** thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: **Anh Cà Văn L, chị Quàng Thị L** có 02 người con chung là **Cà Hồng V, sinh ngày 09/8/2013; Cà Thành Đ, sinh ngày 10/7/2015**. Anh chị thỏa thuận thống nhất giao cháu **Cà Hồng V, cháu Cà Thành Đ** cho **anh Cà Văn L** trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Chị Quàng Thị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Cà Văn L cho cháu **Cà Hồng V, cháu Cà Thành Đại**, mức cấp dưỡng là 750.000đồng/01 người/01 tháng = 1.500.000đồng (*một triệu năm trăm nghìn đồng*)/01 tháng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 4 năm 2024 cho đến khi cháu **Cà Hồng V, cháu Cà Thành Đ** thành niên và có khả năng lao động.

[3] Về tài sản chung: **Không có.**

[4] Về nợ chung: **Không có.**

[5] Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh **Cà Văn L, chị Quàng Thị D** thỏa thuận thống nhất, **chị Quàng Thị D** là người chịu toàn bộ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Căn cứ khoản 2 Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị **Quàng Thị D** phải chịu lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Xét thấy, sự thỏa thuận trên của **anh Cà Văn L và chị Quàng Thị D** là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: **Anh Cà Văn L và chị Quàng Thị D** thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Giao cháu **Cà Hồng V**, sinh ngày **09/8/2013**; cháu **Cà Thành Đ**, sinh ngày **10/7/2015** cho **anh Cà Văn L** trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. **Chị Quàng Thị D** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng **anh Cà Văn L** cho cháu **Cà Hồng V**, cháu **Cà Thành Đại**, mức cấp dưỡng là 750.000đồng/01 người/01 tháng = 1.500.000đồng (*một triệu năm trăm nghìn đồng*)/01 tháng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời điểm cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 4 năm 2024 cho đến khi cháu **Cà Hồng V**, cháu **Cà Thành Đ** thành niên và có khả năng lao động.

Sau ly hôn **anh Cà Văn L** có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con và các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình; **chị Quàng Thị D** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở **chị D** thực hiện quyền này. **Anh Cà Văn L**, **chị Quàng Thị D** có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con.

1.3. Về tài sản chung; nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: **Chị Quàng Thị D** phải chịu 300.000đồng lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí **chị Quàng Thị D** đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số **0001920 ngày 22 tháng 02 năm 2024** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên, **chị Quàng Thị D đã nộp đủ.**

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- UBND xã Mường Mùn, huyện Tuần Giáo;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Giàng A Tăng